



Surge Fee

Cập nhật ngày 24 tháng 1 năm 2025

UPS sẽ điều chỉnh mức Phí Biến Động¹ cho các lô hàng được chọn để ứng phó với các điều kiện thị trường. Mục tiêu của chúng tôi là đảm bảo có thể tiếp tục đáp ứng nhu cầu vận chuyển của khách hàng mà không ảnh hưởng đến chất lượng hoặc thời gian dịch vụ mà khách hàng mong đợi. Phụ phí nhiên liệu sẽ được áp dụng vào khoản phí này, và sẽ dựa trên trọng lượng tính phí của lô hàng. Xem bảng bên dưới để biết thêm thông tin.

Xin lưu ý rằng Phí Biến Động có thể thay đổi. Người gửi hàng nên tiếp tục kiểm tra trang Khu vực và Giá cước vận chuyển của UPS.com để biết thông tin cập nhật trước khi gửi hàng. Xem bên dưới để biết mức giá áp dụng cho mỗi kilogram.

¹Phí Biến Động có thể được áp dụng dựa trên đánh giá thường xuyên về khối lượng vận chuyển, năng lực khả dụng và các cân nhắc khác. UPS có quyền áp dụng một hoặc nhiều Phí Biến Động đối với các Gói hàng được vận chuyển trong thời gian cao điểm hoặc nhu cầu cao, tùy theo quyết định riêng của UPS. Chi tiết về việc áp dụng Phí Biến Động được nêu tại trang Khu vực và Giá cước vận chuyển của UPS.com. Phí Biến Động được áp dụng cộng dồn nếu một gói dịch vụ đáp ứng nhiều hơn một tiêu chí đã chỉ định. Phí Biến Động được áp dụng ngoài các khoản phí khác có liên quan. Không có bất kỳ sự miễn trừ, chiết khấu hoặc giảm giá nào đối với Phí Biến Động được áp dụng trừ khi UPS đồng ý bằng văn bản với sự miễn trừ, chiết khấu hoặc giảm giá đó với tham chiếu cụ thể bằng văn bản đến Phí Biến Động.

A. Phí Biến Động – Áp dụng cho các lô hàng xuất khẩu¹ từ các điểm xuất phát Châu Á Thái Bình Dương đến các điểm đến toàn cầu sau đây:

Từ ngày 1 tháng 12, năm 2024 đến ngày 31 tháng 1, năm 2025

Quốc gia hoặc Lãnh thổ Xuất xứ	Điểm đến				
	Mỹ và Châu Mỹ ²	Châu Âu ⁴	Ấn Độ	Úc và New Zealand	Các nước còn lại (ngoại trừ Châu Á Thái Bình Dương ³)
Úc	AUD 0.75	AUD 0.60	AUD 0.60	N.A.	AUD 0.60
Trung Quốc đại lục	RMB 17.00	RMB 14.20	RMB 10.60	RMB 3.60	RMB 12.80
Đặc khu hành chính Hồng Kong	HKD 18.70	HKD 15.60	HKD 11.70	HKD 4.00	HKD 14.10
Indonesia	IDR 7,400	IDR 5,920	IDR 5,920	N.A.	IDR 5,920
Nhật Bản	JPY 80	JPY 60	JPY 60	N.A.	JPY 60
Hàn Quốc	KRW 700	KRW 600	KRW 600	N.A.	KRW 600
Đặc khu hành chính Ma Cao	HKD 18.7	HKD 15.60	HKD 11.70	HKD 4.00	HKD 14.10
Malaysia	MYR 2.30	MYR 1.90	MYR 1.90	N.A.	MYR 1.90
Philippines	USD 0.50	USD 0.40	USD 0.40	N.A.	USD 0.40
Singapore	SGD 0.68	SGD 0.54	SGD 0.54	N.A.	SGD 0.54
Đài Loan, Trung Quốc	TWD 31	TWD 13	TWD 13	N.A.	TWD 13
Thái Lan	THB 18	THB 14	THB 14	N.A.	THB 14
Việt Nam	VND 11,750	VND 9,400	VND 9,400	N.A.	VND 9,400

¹Áp dụng cho các lô hàng xuất khẩu trên UPS Worldwide Express®, UPS Worldwide Express Plus®, UPS Worldwide Express Saver®, UPS Worldwide Expedited, UPS Worldwide Express Freight® và UPS Worldwide Express Freight® Midday.

²Châu Mỹ để cập đến Anguilla, Antigua và Barbuda, Argentina, Aruba, Bahamas, Barbados, Bermuda, Bolivia, Bonaire, St. Eustatius, Saba, Brazil, Quần đảo Virgin thuộc Anh, Canada, Quần đảo Cayman, Chile, Colombia, Costa Rica, Curacao, Dominica, Cộng hòa Dominica, Ecuador, El Salvador, Grenada, Guadeloupe, Guatemala, Guyana, Haiti, Honduras, Jamaica, Martinique, Mexico, Montserrat, Nicaragua, Panama, Paraguay, Peru, Puerto Rico, St. Barthelemy, St. Kitts và Nevis, St. Lucia, St. Martin/St. Marteen, St. Vincent và Grenadines, Suriname, Trinidad và Tobago, Quần đảo Turks và Caicos, Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ, Uruguay và Venezuela.

³Châu Á Thái Bình Dương bao gồm Samoa thuộc Mỹ, Brunei, Campuchia, Trung Quốc đại lục, Guam, Đặc khu hành chính Hồng Kong, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Lào, Đặc khu hành chính Ma Cao, Malaysia, Mông Cổ, Myanmar, New Caledonia, Philippines, Saipan, Singapore, Samoa, Đài Loan, Trung Quốc, Thái Lan và Việt Nam.

⁴Châu Âu để cập đến Andorra, Albania, Armenia, Áo, Belarus, Bỉ, Bosnia và Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Síp, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Georgia, Đức, Gibraltar, Hy Lạp, Guernsey, Hungary, Iceland, Ireland, Israel, Ý, Jersey, Kosovo, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Bắc Macedonia, Malta, Moldova, Montenegro, Hà Lan, Na Uy, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Romania, Nga, San Marino, Serbia, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Ukraine và Vương quốc Anh.

B. Phí Biến Động – Áp dụng cho các lô hàng nhập khẩu trên dịch vụ UPS Worldwide Express®¹ từ các điểm xuất phát toàn cầu đến các điểm đến dưới đây ở Châu Á Thái Bình Dương:

Từ ngày 24 tháng 11, năm 2024 trở đi cho đến ngày 31 tháng 1, năm 2025

Điểm đến Quốc gia hoặc Lãnh thổ	Điểm đi				
	Châu Âu ² & Ấn Độ	Châu Mỹ ³	Mỹ	Canada	Các nước còn lại
Úc	AUD 0.75	AUD 1.35	AUD 0.39	N.A.	N.A.
Trung Quốc đại lục	RMB 3.60	RMB 0.80	RMB 1.90		
Đặc khu hành chính Hồng Kong	HKD 4.00	HKD 0.90	HKD 2.10		
Indonesia	IDR 7,400	IDR 1,628	IDR 3,848		
Nhật Bản	JPY 80	JPY 20	JPY 40		
Hàn Quốc	KRW 700	KRW 200	KRW 400		
Đặc khu hành chính Ma Cao	HKD 4.00	HKD 0.90	HKD 2.10		
Malaysia	MYR 2.30	MYR 0.60	MYR 1.20		
Philippines	USD 0.50	USD 0.11	USD 0.26		
Singapore	SGD 0.68	SGD 0.15	SGD 0.35		
Đài Loan, Trung Quốc	TWD 16	TWD 4	TWD 8		
Thái Lan	THB 18	THB 4	THB 9		
Việt Nam	VND 11,750	VND 2,585	VND 6,110		

¹Áp dụng cho các lô hàng nhập khẩu trên các dịch vụ UPS Worldwide Express®, UPS Worldwide Express Plus®, UPS Worldwide Express Saver® và UPS Worldwide Expedited.

²Châu Âu bao gồm Albania, Armenia, Áo, Belarus, Bỉ, Bosnia & Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Síp, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Georgia, Đức, Gibraltar, Hy Lạp, Guernsey, Hungary, Iceland, Ireland, Israel, Ý, Jersey (Quần đảo Eo biển), Kosovo, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Malta, Moldova, Montenegro, Hà Lan (Hà Lan), Bắc Macedonia, Na Uy, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Romania, Nga, San Marino, Serbia, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Ukraine và Vương quốc Anh.

³Châu Mỹ chỉ đề cập đến Mexico và Puerto Rico.

C. Phí Biên Động – Áp dụng cho các lô hàng nhập khẩu trên dịch vụ UPS Worldwide Express Freight®¹ từ các điểm xuất phát toàn cầu đến các điểm đến dưới đây ở Châu Á Thái Bình Dương:

Từ ngày 24 tháng 11, năm 2024 trở đi cho đến ngày 31 tháng 1, năm 2025

Điểm đến Quốc gia hoặc Lãnh thổ	Điểm đi				
	Châu Âu ² & Ấn Độ	Châu Mỹ ³	Mỹ	Canada	Các nước còn lại
Úc	AUD 0.75	AUD 2.70	AUD 0.49	N.A.	N.A.
Trung Quốc đại lục	RMB 3.60	RMB 2.00	RMB 2.40		
Đặc khu hành chính Hồng Kong	HKD 4.00	HKD 2.20	HKD 2.60		
Indonesia	IDR 7,400	IDR 4,144	IDR 4,884		
Nhật Bản	JPY 80	JPY 50	JPY 50		
Hàn Quốc	KRW 700	KRW 400	KRW 500		
Đặc khu hành chính Ma Cao	HKD 4.00	HKD 2.20	HKD 2.60		
Malaysia	MYR 2.30	MYR 1.30	MYR 1.60		
Philippines	USD 0.50	USD 0.11	USD 0.33		
Singapore	SGD 0.68	SGD 0.38	SGD 0.45		
Đài Loan, Trung Quốc	TWD 16	TWD 9	TWD 11		
Thái Lan	THB 18	THB 10	THB 12		
Việt Nam	VND 11,750	VND 6,580	VND 7,755		

¹Áp dụng cho các lô hàng nhập khẩu trên dịch vụ UPS Worldwide Express Freight® và UPS Worldwide Express Freight® Midday.

²Châu Âu bao gồm Albania, Armenia, Áo, Belarus, Bỉ, Bosnia & Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Síp, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Georgia, Đức, Gibraltar, Hy Lạp, Guernsey, Hungary, Iceland, Ireland, Israel, Ý, Jersey (Quần đảo Eo biển), Kosovo, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Malta, Moldova, Montenegro, Hà Lan (Hà Lan), Bắc Macedonia, Na Uy, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Romania, Nga, San Marino, Serbia, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Ukraine và Vương quốc Anh.

³Châu Mỹ chỉ đề cập đến Mexico và Puerto Rico.